

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 13-8-2019

Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học
2. Bà Khương Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tham
gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hường - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày
03/01/2019 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
17/2019/QĐXXST-DS ngày 11/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, tiểu khu S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

- Bị đơn: Chị Lê Thị Y – Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, các bản tự khai cũng như trong các
phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Ngày 14/7/2014, chị có cho chị Lê Thị Y vay số tiền là 650.000.000đ (Sáu
trăm năm mươi triệu đồng). Đến tháng 12/2014, chị Y đã trả cho chị được
50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền còn lại, chị Y hẹn đến 28/12/2014
(âm lịch) sẽ trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và trả hết số còn lại vào ngày
30/4/2015 (dương lịch).

Quá thời hạn 28/12/2014 (âm lịch), chị Y vẫn không trả cho chị như đã hẹn.
Ngày 05/02/2015, chị Y đã viết “Giấy khất nợ”, cam kết trả hết số tiền đang còn nợ
chị T là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 30/4/2015 (dương lịch),
trong giấy khất nợ có anh Lê Văn C – Trưởng Công an xã Hải Hòa, huyện T làm
chứng.

Đến nay, đã nhiều lần chị yêu cầu chị Y trả số tiền trên nhưng chị Y không thực hiện. Chỉ trả thêm cho chị T 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) theo chứng minh thư nhân dân qua Ngân hàng (vào tài khoản của chị). Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu buộc chị Y phải trả cho chị số tiền nợ gốc còn lại là 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

* Tại bản tự khai ngày 8/4/2019, chị Lê Thị Y trình bày:

Chị có vay của chị Lê Thị T ở TK6, thị trấn T với số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) vay làm nhiều lần. Nhưng chị đã trả cho chị T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tháng 12/2014 và một lần theo Chứng minh thư nhân dân của chị T là 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng); sau đó chị còn trả cho chị T nhiều lần nữa nhưng nay chị chưa tìm được giấy tờ, chị sẽ tìm và cung cấp cho Tòa án sau. Nay do hoàn cảnh của chị làm ăn khó khăn chưa có tiền để trả, khi nào có tiền chị sẽ thu xếp để thanh toán cho chị T.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội Thẩm nhân dân đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đánh giá một cách khách quan, toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa hôm nay có đầy đủ căn cứ để khẳng định vào ngày 14/7/2014, chị Y đã vay chị T số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Đến nay, chị Y đã trả cho chị T được 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng). Do đó đề nghị HĐXX buộc chị Y phải trả cho chị T số tiền nợ gốc còn lại là 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

- Về án phí: Buộc chị Y phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật; trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản:

- Theo “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 14/7/2014 và “Giấy khất nợ” ngày 05/02/2015, chị Y hẹn đến ngày 30/4/2015 sẽ trả tiền nợ cho chị T với tổng số tiền nợ gốc còn lại là 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng). Từ ngày 30/4/2015 đến nay, chị Y không trả. Ngày 17/12/2018, chị T khởi kiện yêu cầu buộc chị Y trả lại khoản tiền nợ gốc nói trên.

Như vậy, tính từ ngày phát sinh tranh chấp đến ngày chị T khởi kiện tại Tòa án thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị Quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Theo đơn khởi kiện và quá trình

giải quyết vụ án chị T cũng chỉ yêu cầu chị Y trả số nợ gốc còn lại, do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền nợ gốc đủ điều kiện để khởi kiện.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Lê Thị T có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Còn chị Lê Thị Y vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án chị Y đã được Tòa án giao thông báo thụ lý và tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Do không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã phải lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt chị Y, đồng thời thông báo cho chị Y. Do hiện tại chị Y không có mặt tại địa phương, giao các thủ tục cho gia đình thì gia đình không nhận nên văn phòng thừa phát lại phải lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng tại TK1 và UBND thị trấn T theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung: Đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa thấy rằng:

- Theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 14/7/2014 thì chị Y vay chị T số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), có đầy đủ chữ ký của chị T và chị Y, không đề cập đến lãi suất.

- Theo “Giấy khất nợ” ngày 05/02/2015 thì chị Y đã trả cho chị T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn lại 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Chị Y hẹn đến 28/12/2014 (âm lịch) sẽ trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và trả hết số còn lại vào ngày 30/4/2015 (dương lịch).

Chị T thừa nhận, ngoài 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đã trả, chị Y còn trả cho chị thêm 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) theo chứng minh thư của chị và qua Ngân hàng.

Quá trình giải quyết, mặc dù được triệu tập nhiều lần nhưng chị Y không đến tòa án để giải quyết vụ án, trong bản tự khai chị cho rằng ngoài 2 lần chị đã trả cho chị T với số tiền là 87.000.000đ thì sau đó chị còn trả cho chị T nhiều lần nữa nhưng nay chị chưa tìm được giấy tờ, chị sẽ tìm và cung cấp cho Tòa án sau. Mặc dù Tòa án đã có thông báo yêu cầu chị Y giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng cho đến nay chị vẫn không đến Tòa án để làm việc và cũng không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu gì để chứng minh cho lời nại của mình. Do đó không có căn cứ để chấp nhận lời nại của chị Y.

Từ những phân tích nói trên có căn cứ để khẳng định: Ngày 14/7/2014, chị Y có vay chị T số tiền là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Đến nay, chị Y đã trả cho chị T được 2 lần với tổng số tiền là 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng). Chị Y đang còn nợ chị T 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng). Chị T yêu cầu Tòa án buộc chị Y trả cho chị số tiền nợ gốc còn lại nói trên, chị không yêu cầu lãi xuất.

Từ những phân tích trên, có đầy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị Y phải trả cho chị T số tiền nợ gốc 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

[4] Án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Y phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật, trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí Tòa án – Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T. Buộc chị Lê Thị Y phải trả cho chị T số tiền nợ gốc là 563.000.000đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu chị Y không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS.

Án phí:

- Chị Lê Thị Y phải chịu 26.520.000đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.400.000đ (Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0005753 ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt chị Y tại phiên tòa. Tuyên bố chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh